

Biểu mẫu 02

UBND HUYỆN GIA LỘC
TRƯỜNG MẦM NON PHƯƠNG HƯNG

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế,
năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	24-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	196			43	34	53	66
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	196			43	34	53	66
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	196			43	34	53	66
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	196			43	34	53	66
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	196			43	34	53	66
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	194			43	33	52	66
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0			0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	196			43	34	53	66
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi				0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	2			0	1	1	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	196			43	34	53	66
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	43			43			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	153				34	53	66

Thị Trấn Gia Lộc, ngày 03 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phụng

Biểu mẫu 03

UBND HUYỆN GIA LỘC
TRƯỜNG MẦM NON PHƯƠNG HƯNG

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /trẻ em
I	Tổng số phòng	9	2,5 m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	9	2,5 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	4.983 m ²	23,3 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	2.143 m ²	10.0 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	1.454m ²	6.8 m ² /trẻ em
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	60m ²	2,5 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	32.6m ²	1.4m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	39.9m ²	1.7 m ² /trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	90m ²	0,4 m ² /trẻ em
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	60m ²	0,3m ² /trẻ em
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	112.5m ²	0.5m ² /trẻ em
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	01 bộ/nhóm lớp (Đồ dùng chung)	01 bộ/nhóm lớp (Đồ dùng riêng)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	01	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	20	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	30	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		
1	Bộ thể chất đa năng.	5	
2	Đồ chơi tự làm	200	

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02		9		0.17
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Thị Trấn Gia Lộc, ngày 17 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phượng

Biểu mẫu 04

UBND HUYỆN GIA LỘC
TRƯỜNG MẦM NON PHƯƠNG HƯNG

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	25			20	02	0	03		9	13	12	9	0	0
I	Giáo viên	18			16	02	0	0		8	10	09	9	0	0
1	Nhà trẻ	04			3	01	0	0		03	01	02	02	0	0
2	Mẫu giáo	14			13	01	0	0		5	9	07	07	0	0
II	Cán bộ quản lý	03			03					0	03	03			
1	Hiệu trưởng	01			01					0	01	01			
2	Phó hiệu trưởng	02			02					0	02	02			
III	Nhân viên	4			01			03		01					
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	01			01					01					
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên nuôi dưỡng	02						02							
6	Bảo vệ	01						01							

Thị Trần Gia Lộc, ngày 17 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phụng

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ
Năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	25			20	02	0	03		21	0	11	10	0	0
I	Giáo viên	18			14	03	01	0		18	0	08	10	0	0
1	Nhà trẻ	04			3	0	01	0		04	0	02	02	0	0
2	Mẫu giáo	14			11	03	0	0		14	0	06	08	0	0
II	Cán bộ quản lý	03			03					03		03			
1	Hiệu trưởng	01			01					01		01			
2	Phó hiệu trưởng	02			02					02		02			
III	Nhân viên	4			01			03							
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	01			01										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên nuôi dưỡng	02						02							
6	Bảo vệ	01						01							